

Bản án số: 64/2019/HS-ST
Ngày 26-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân và ông Nguyễn Ngọc Phan

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2019/HSST ngày 06-11-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đình T, sinh năm 1988 tại xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Q, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình T và bà Trần Thị D; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/8/2019 đến ngày 09/8/2019 và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt.

2. Phạm Trung K, sinh năm 1989 tại xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/8/2019 đến ngày 09/8/2019 và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh **Đặng Văn D**, sinh năm 1989.

2. Ông **Trần Thanh M**, sinh năm 1946.

Đều trú tại: thôn S, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đều vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1958.

Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T, Phạm Trung K, Đặng Văn D là bạn quen biết nhau từ trước và đều là người nghiện ma túy. Tối ngày 04/8/2019, T đi xe taxi đến khu vực bến xe Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T mua được của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 05 túi ma túy tổng hợp được bọc trong túi nylon với giá 1.000.000 đồng, sau đó T cất giấu vào trong túi quần bên trái đi về. Trên đường đi, T gọi cho Phạm Văn D đón T về nhà D ngủ, khi về nhà D, T cùng D sử dụng hết 01 túi ma túy. Khoảng 12 giờ, ngày 05/8/2019, khi T và D đang sử dụng ma túy thì Phạm Trung K đến và cùng sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, K ra mở cửa đi về thì lúc này T đứng dậy đi ra nói với K “*Bạn thì cứ về đi, cầm lấy một túi về mà dùng*”, T liền lấy 01 túi nylon có chứa ma túy tổng hợp từ túi quần phía trước bên trái đang mặc đưa cho K, K cầm ma túy ở tay trái rồi đi ra vị trí xe máy của K dựng ngoài sân thì bị tổ công tác thuộc Công an huyện Tứ Kỳ phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 túi nylon màu trắng, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng tại vị trí K đang đứng, thu giữ trong túi quần bên trái phía trước của T đang mặc 02 túi nylon màu trắng, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng; thu giữ 01 chai nhựa trên nắp có gắn một ống hút bằng nhựa, 01 coóng thủy tinh; 01 xe mô tô Wave không gắn biển số đã qua sử dụng của K, 01 điện thoại Nokia 105 lắp sim 0333.841...của T, 01 điện thoại Itel 32F, lắp sim số 0359.478... của D.

Tại Kết luận giám định số 309/PC09 ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn, dạng tinh thể màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu M01 ghi thu của Phạm Trung K gửi đến giám định có khối lượng 0,325 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Chất rắn dạng tinh thể màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu M02 ghi thu của Nguyễn Đình T gửi đến giám định có khối lượng 0,409 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số: 64/CT-VKS-TK ngày 05-11-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Phạm Trung K về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T, Phạm Trung K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; xử phạt Nguyễn Đình T từ 18 đến 21 tháng tù, xử phạt Phạm Trung K từ 13 đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu tiêu hủy 0,196 gam Methamphetamine (mẫu M01) và 0,278 gam Methamphetamine (mẫu M2) do cơ quan giám định hoàn lại, 01 chai nhựa trên có gắn

một ống hút nhựa, 01 coóng thủy tinh; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố về tội danh của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng, các bị cáo hối hận về hành vi của mình và đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ, ngày 05/8/2019, tại nhà của D ở thôn S, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đình T có hành vi cất giấu trái phép 0,734 gam là ma túy, loại Methamphetamin, Phạm Trung K có hành vi cất giấu trái phép 0,325 gam Methamphetamin với mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, như quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được ma túy không chỉ gây tác hại rất lớn về sức khỏe cho chính người sử dụng mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này, là gánh nặng cho gia đình, xã hội và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nhưng vì mục đích sử dụng cho bản thân để thỏa mãn cơn nghiện và ý thức coi thường pháp luật nên vẫn phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Đình T là người chủ động đi mua ma túy về để sử dụng, cất giấu trong người tổng số 0,734gam Methamphetamin và là người cho Phạm Trung K 0,325 gam Methamphetamin để K cất giấu về sử dụng nên T giữ vai trò chính. Phạm Trung K là người cất giấu 0,325 gam Methamphetamin mà T cho trong người về sử dụng nên giữ vai trò đồng phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với trọng lượng ma túy cất giấu.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đều là người có nhân thân tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, song dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy Wave màu sơn đỏ, không biển số mà K sử dụng đến nhà D là của bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ K), đối với 01 điện thoại Nokia 105 bên trong có sim điện thoại của T và 01 điện thoại Itel bên trong có một sim điện thoại của D sử dụng để liên lạc với nhau, không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C, T và D là phù hợp. Đối với 0,196 gam Methamphetamine (mẫu M01) và 0,278 gam Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại sau giám định, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 chai nhựa trên có gắn một ống hút nhựa, 01 coong thủy tinh không còn giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Đối với Nguyễn Đình T, Đặng Văn D, Phạm Trung K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà D là do các bị cáo tự sử dụng, T, D không gọi mà K tự đến nhìn thấy cùng sử dụng, không có ai chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác nên không cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T, D, K đã bị xử phạt vi phạm hành chính; Đặng Văn D không biết T mua ma túy và cất giấu ma túy trong người nên không phải chịu trách nhiệm; đối tượng bán ma túy cho T, không xác định được tên, tuổi cụ thể nên Cơ quan điều tra- Công an huyện Tứ Kỳ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình T, Phạm Trung K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T 20 (hai mươi)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 05/8/2019.

Xử phạt bị cáo **Phạm Trung K 14 (mười bốn)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 05/8/2019.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ 0,196 gam Methamphetamine (mẫu M01) và 0,278 gam Methamphetamine (mẫu M2) là mẫu vật hoàn lại sau khi giám định, được đựng trong bì thư dán kín, có chữ ký và dấu niêm phong; 01 chai nhựa trên có gắn một ống hút nhựa, 01 coóng thủy tinh.

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 12-11-2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình T, Phạm Trung K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam -CA tỉnh HD
- (02 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự huyện Tứ Kỳ
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân